

Bản án số: 46/2017/DS-ST

Ngày: 26/9/2017

V/v “*Tranh chấp nghĩa vụ*

thanh toán theo hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Duân

Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Hồng Thái

Ông Nguyễn Văn Tấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quý – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố QNg.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố QNg tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố QNg, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2017/TLST-KDTM ngày 21 tháng 3 năm 2017 về việc “*Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2017/QĐST- DS ngày 21/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 113/2017/QĐST- DS ngày 07/9/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP SC.

Địa chỉ: Số 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Đ - Là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Tổng giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần SC).

Ông Nguyễn VũHC là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Đ (Theo văn bản ủy quyền số 2320/2017/GUQ-PL&TT ngày 7/8/2017).

Ông Trần TH là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn VũHC (Theo văn bản ủy quyền số 43/2017/GUQ-QNI ngày 15/8/2017).

2. Bị đơn: Ông Lê Nguyễn Hoàng H và bà Trần Thị Hồng C.

Cùng địa chỉ: Tổ 2, phường Nghĩa Lộ, thành phố QNg, tỉnh QNg.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Trần QT và bà Võ Thị C.

- Ông Đinh Duy C và bà Trần Thị H.

Cùng địa chỉ: Thôn 3, xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa, tỉnh QNg.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20/02/2017 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án ông Trần TH người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vào ngày 17/7/2014, ông Lê Nguyễn Hoàng H, bà Trần Thị Hồng C có ký với Ngân hàng TMCP SC một hợp đồng vay số 02/LD1419800212, vay số tiền 320.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng được xác định cụ thể trong giấy nhận nợ, lãi suất thỏa thuận 8,5%/năm, mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh. Để đảm bảo khoản vay, ông Trần Quang Trung, bà Võ Thị C thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp số LD1419800212, ngày 17/7/2014 và giấy cam kết thế chấp ngày 17/7/2014, tại thửa đất số 627, tờ bản đồ số 06 xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa, tỉnh QNg, diện tích 982,8m², đã được Ủy ban nhân dân huyện Tư Nghĩa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 022288, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH03063 ngày 16/12/2011 cho ông Trần QT. Trên cơ sở của hợp đồng vay, cùng ngày ông Lê Nguyễn Hoàng H, bà Trần Thị Hồng C và Ngân hàng TMCP SC ký một hợp đồng cấp tín dụng số D1419800212 hạn mức cấp tín dụng 200.000.000 đồng. Đến ngày 04/12/2015, ông Lê Nguyễn Hoàng H, bà Trần Thị Hồng C và Ngân hàng TMCP SC ký bản thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng cấp tín dụng số LD1419800212-SĐBS hạn mức cấp tín dụng là 320.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay ông H, bà C thường xuyên vi phạm hợp đồng, không trả tiền lãi và tiền gốc cho Ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông H, bà C trả nợ nhưng vẫn không trả nợ cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng TMCP SC yêu cầu ông Lê Nguyễn Hoàng H và bà Trần Thị Hồng C phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân Hàng tổng số tiền là 373.582.360 đồng. Trong đó: Tiền gốc là 320.000.000 đồng, lãi trong hạn là 8.932.569 đồng, lãi quá hạn là 44.649.791 đồng (tiền lãi tạm tính đến ngày 26/9/2017) và tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc tính từ ngày 27/9/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp ông H, bà C không trả được nợ cho Ngân hàng TMCP SC thì yêu cầu cơ quan Thi hành án xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp số LD1419800212, ngày 17/7/2014 và giấy cam kết thế chấp ngày 17/7/2014, tại thửa đất số 627, tờ bản đồ số 06 xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa, tỉnh QNg, diện tích 982,8m², đã được Ủy ban nhân dân huyện Tư Nghĩa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần QT và toàn bộ tài sản gắn liền với đất để thu hồi nợ cho ngân hàng.

Trường hợp xử lý tài thế chấp mà không đủ để thu hồi nợ thì ông H, bà C phải tiếp tục trả nợ cho đến khi thanh toán xong nợ cho ngân hàng.

Ông Lê Nguyễn Hoàng H và bà Trần Thị Hồng C vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án.

Tại bản tự khai ngày 02/6/2017 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án ông Trần QT và bà Võ Thị C trình bày:

Vào năm 2014 vợ chồng ông, bà có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất cho ông Lê Nguyễn Hoàng H và Trần Thị Hồng C vay số tiền 320.000.000 đồng tại Ngân

hàng TMCP SC để làm ăn. Do ông H, bà C làm ăn thất bại không có tiền trả nợ cho Ngân hàng, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông H, C phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Trường hợp ông H, bà C không trả được nợ thì ông, bà đồng ý xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất của ông, bà để thu hồi nợ. Tuy nhiên, tại thời điểm thế chấp quyền sử dụng đất cho ông Lê Nguyễn Hoàng H và bà Trần Thị Hồng C vay tiền thì ông, bà không thế chấp nhà và các tài sản khác gắn liền trên đất cho Ngân hàng. Vì vậy, khi Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phải trả lại giá trị toàn bộ tài sản trên đất gồm: Căn nhà cấp 4 vợ chồng ông, bà đang ở và các tài sản khác gắn liền với đất như: Chuồng bò, chuồng heo, chuồng gà, mái hiên NK5, tường rào cổng ngõ, lưới B40 và các cây trồng khác... trên đất cho vợ chồng ông, bà.

Tại bản tự khai ngày 02/6/2017 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, vợ chồng ông Đinh Duy C, bà Trần Thị H trình bày:

Khi ông Trần QT và bà Võ Thị C thế chấp quyền sử dụng đất cho ông Lê Nguyễn Hoàng H và Trần Thị Hồng C vay tiền tại Ngân hàng TMCP SC, vợ chồng ông, bà không biết. Vợ chồng ông, bà đã xây dựng nhà ở trên đất của ông Trung, bà Thuận từ năm 2004 đến nay. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông H, bà C phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Trường hợp ông H, bà C không trả được nợ thì ông, bà đồng ý xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất của ông Trung, bà Thuận để thu hồi nợ. Tuy nhiên, khi ngân hàng xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất phải hoàn trả lại giá trị tài sản trên đất gồm: 02 căn nhà cấp 4 vợ chồng ông, bà đang ở và các tài sản khác gắn liền với đất như nhà NK5... cho vợ chồng ông, bà. Vì tài sản này là của vợ chồng ông, bà bỏ tiền ra xây dựng trước thời điểm thế chấp.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm như sau:

I. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự như:

+ Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Tòa án thụ lý giải quyết về “Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng” đối với yêu cầu của Ngân hàng là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hiệu khởi kiện: Ông H, bà C vi phạm hợp đồng tín dụng, đã hết thời hạn trả nợ vay từ tháng 12/2016, do đó ngày 21/3/2017 Ngân hàng khởi kiện là còn trong thời hiệu khởi kiện.

Việc tổng đạt các văn bản tố tụng: Đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng: Đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

Thời gian chuẩn bị xét xử: Đúng thời hạn xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Về xác minh thu thập chứng cứ: Đúng theo quy định tại Điều 101 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuy nhiên, việc xác định quan hệ tranh chấp là chưa đúng theo quy định của pháp luật: Theo thông báo thụ lý số 15/2017/TLST-KDTM ngày 21/3/2017 về “Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng” thuộc án kinh doanh thương mại là chưa đúng quy định tại Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự, vì ông H, bà C mặc dù vay để bổ sung vốn kinh doanh, nhưng ông H, bà C không có đăng ký kinh doanh, nên không phải là án kinh doanh thương mại mà là án dân sự.

2. Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ thời điểm thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Đối với nguyên đơn: Chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71, Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Không chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

II. Ý kiến giải quyết vụ án:

Căn cứ các Điều 26, 35, 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 290, 335, 716 Bộ luật dân sự 2005; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; mục 19 Điều 11 Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/12/2012 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 63/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị:

+ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP SC.

Buộc ông Lê nguyên Hoàng H, bà Trần Thị Hồng C phải trả cho Ngân hàng TMCP SC số tiền là 373.582.360 đồng. Trong đó nợ gốc là 320.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 8.932.569 đồng, tiền lãi quá hạn là 44.649.791 đồng (tiền lãi tạm tính đến ngày 26/9/2017) và tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng từ ngày 27/9/2017 đến khi tất toán xong khoản nợ.

Nếu ông H, bà C không trả được nợ cho Ngân hàng thì xử lý tài sản thế chấp ở giai đoạn thi hành án là quyền sử dụng đất theo HĐTC số LD1419800212 ngày 17/7/2014 và giấy cam kết thế chấp ngày 17/7/2014 tại thửa đất số 627, tờ bản đồ số 06 xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa, tỉnh QNg đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Trần QT để thu hồi nợ, hoàn trả lại giá trị tài sản trên đất cho ông Trung, bà Thuận, ông Cường, bà Hạnh tại thời điểm thi hành án.

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: 2.500.000 đồng Ngân hàng TMCP SC tự nguyện chịu.

- Về án phí dân sự sơ thẩm mại sơ thẩm: Ông H, bà C phải chịu, Ngân hàng phải chịu án phí về yêu cầu xử lý tài sản trên đất không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về thủ tục tố tụng:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp: Theo thông báo thụ lý số 15/2017/TLST-KDTM ngày 21/3/2017 xác định về “Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng” thuộc án kinh doanh thương mại là chưa đúng quy định tại Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự, vì ông H, bà C mặc dù vay để bổ sung vốn kinh doanh, nhưng ông H, bà C không có đăng ký kinh doanh, nên không phải là tranh chấp kinh doanh thương mại mà là tranh chấp dân sự.

[2] Về người tham gia tố tụng: Ông Lê Nguyễn Hoàng H và bà Trần Thị Hồng C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[II] Về nội Dung:

[1] Xét yêu cầu trả nợ của Ngân hàng thương mại cổ phần SC Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào ngày 17/7/2014, ông Lê Nguyễn Hoàng H, bà Trần Thị Hồng C có ký với Ngân hàng TMCP SC một hợp đồng vay số 02/LD1419800212 vay số tiền 320.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng được xác định cụ thể trong giấy nhận nợ, lãi suất thỏa thuận 8,5%/năm, mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh. Để đảm bảo khoản vay, ông Trần Quang Trung, bà Võ Thị C thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo HĐTC số LD1419800212 ngày 17/7/2014 và giấy cam kết thế chấp ngày 17/7/2014 tại thửa đất số 627, tờ bản đồ số 06 xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa, tỉnh QNg, diện tích 982,8m², được Ủy ban nhân dân huyện Tư Nghĩa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI022288, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03063 ngày 16/12/2011 cho ông Trần QT. Trên cơ sở của hợp đồng vay, cùng ngày ông Lê Nguyễn Hoàng H, bà Trần Thị Hồng C và Ngân hàng TMCP SC một hợp đồng cấp tín dụng số D1419800212 hạn mức cấp tín dụng 200.000.000 đồng. Đến ngày 04/12/2015, ông Lê Nguyễn Hoàng H, bà Trần Thị Hồng C và Ngân hàng TMCP SC ký bản thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng cấp tín dụng số LD1419800212-SĐBS hạn mức cấp tín dụng là 320.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay do ông H, bà C vi phạm hợp đồng, không trả tiền lãi và tiền gốc cho Ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông H, bà C trả nợ nhưng vẫn không trả nợ cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng TMCP SC yêu cầu ông Lê Nguyễn Hoàng H và bà Trần Thị C phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân Hàng tổng số tiền là 373.583.360 đồng. Trong đó: Tiền gốc là 320.000.000 đồng, lãi trong hạn là 8.932.569 đồng, lãi quá hạn là 44.649.791 đồng (tiền lãi tạm tính đến ngày 26/9/2017) và tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc tính từ ngày 27/9/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng Thương mại Cổ phần SC, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ngày 17/7/2014 ông Trung, bà Thuận có ký hợp đồng thế chấp và giấy cam kết thế chấp thửa đất số 627, tờ bản đồ số 6 xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa, tỉnh QNg, diện tích 982,8m², đã được Ủy ban nhân dân huyện Tư Nghĩa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 022288, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03063 ngày 16/12/2011 cho ông Trần QT và toàn bộ tài sản gắn liền với đất để đảm bảo khoản vay cho ông H, bà C. Tuy nhiên, tại điểm b, mục 1 Điều 2 của hợp đồng thế chấp về tài sản gắn liền với đất không thể hiện gồm những loại tài sản gì và trong hợp đồng thế chấp không có điều khoản nào để xác định ông Trung, bà Thuận thế chấp toàn bộ tài sản gắn liền với đất. Còn đối với giấy cam kết lập ngày 17/7/2014, ông Trung, bà Thuận thế chấp toàn bộ diện tích đất và tài sản gắn liền với đất, nhưng cũng không nêu rõ là những loại tài sản gì. Trong khi đó, trên thửa đất thế chấp có rất nhiều loại tài sản của ông Trung, bà Thuận và của ông Đình Duy C, bà Trần Thị H. Đồng thời tại biên bản định giá ngày 04/12/2015, chỉ định giá diện tích đất thế chấp, không định giá tài sản gắn liền với đất có giá trị là bao nhiêu. Mặt khác, tại Điều 4 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ quy định “Tài sản bảo đảm do các bên thỏa thuận và thuộc sở hữu của người thứ ba mà người này cam kết dùng tài sản đó để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của bên có nghĩa vụ đối với bên có quyền”, trong khi trên thửa đất thế chấp có tài sản của ông Cường, bà Hạnh, nhưng khi ông Trung, bà Thuận ký giấy cam kết thế chấp toàn bộ tài sản mà không được sự đồng ý của ông Cường, bà Hạnh. Như vậy, giấy cam kết lập ngày 17/7/2014 là trái pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất của TMCP SC. Tuy nhiên, khi xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp số LD1419800212 ngày 17/7/2014 và tài sản gắn liền với đất của ông Trung, bà Thuận, ông Cường, bà Hạnh không được thế chấp tại thửa đất số 627, tờ bản đồ số 06 xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa, tỉnh QNg, diện tích 982,8m², do ông Trần QT đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 022288, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03063 được Ủy ban nhân dân huyện Tư Nghĩa cấp ngày 16/12/2011, phải hoàn trả lại toàn bộ phần giá trị tài sản trên đất cho ông Trung, bà Thuận, ông Cường, bà Hạnh.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: 2.500.000 đồng, Ngân hàng TMCP SC tự nguyện chịu, đã nộp tạm ứng và đã chi xong.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Nguyễn Hoàng H và bà Trần Thị Hồng C phải chịu là 18.679.168 đồng, Ngân hàng Thương mại cổ phần SC phải chịu án phí

dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được Tòa án chấp nhận, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp, số tiền còn lại hoàn trả cho Ngân hàng TMCP SC.

Phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 30, 35, 144, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 355 của Bộ luật dân sự 2005; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; mục 19 Điều 1 Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/12/2012 về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ; khoản 2, 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương Mại cổ phần SC. Buộc ông Lê Nguyễn Hoàng H và bà Trần Thị Hồng C phải trả cho Ngân hàng Thương Mại cổ phần SC số tiền gốc là 320.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 8.932.569 đồng, tiền lãi quá hạn là 44.649.791 đồng (tiền lãi tạm tính đến ngày 26/9/2017). Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 373.583.360 đồng và tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 27/9/2017 đến khi tất toán xong khoản nợ.

[2] Trường hợp ông Lê Nguyễn Hoàng H và bà Trần Thị Hồng C không trả được nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần SC có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất không được thế chấp tại thửa đất số 627, tờ bản đồ số 06 xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa, tỉnh QNg, diện tích 982,8m², do ông Trần QT đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 022288, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03063 được Ủy ban nhân dân huyện Tư Nghĩa cấp ngày 16/12/2011, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1419800212 ngày 17/7/2014 và theo quy định tại Điều 355 Bộ luật dân sự 2005 để thu hồi nợ, nhưng phải trả lại toàn bộ phần giá trị tài sản gắn liền với đất của ông Trần QT, bà Võ Thị C, ông Đình Duy C, bà Trần Thị H trên thửa đất số 627, tờ bản đồ số 06 xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa, tỉnh QNg, diện tích 982,8m², theo giá tại thời điểm thi hành án cho ông Trung, bà Thuận, ông Cường, bà Hạnh.

Trường hợp xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ không đủ thì ông Lê Nguyễn Hoàng H và bà Trần Thị Hồng C tiếp tục trả số tiền còn lại cho đến khi trả nợ xong cho Ngân hàng Thương mại cổ phần SC.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: 2.500.000 đồng, ông Lê Nguyễn Hoàng H và bà Trần Thị Hồng C phải chịu, nhưng Ngân hàng TMCP SC đã nộp tạm ứng và đã chi xong, nên buộc ông Lê Nguyễn Hoàng H và bà Trần Thị Hồng C phải hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền 2.500.000 đồng.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Nguyễn Hoàng H và bà Trần Thị C phải chịu là 18.679.168 đồng. Ngân hàng Thương mại cổ phần SC phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được Tòa án chấp nhận. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 8.491.461 đồng (tám triệu, bốn trăm chín mươi một ngàn, bốn trăm sáu mươi đồng), hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương Mại cổ phần SC số tiền 8.191.461 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2014/0004551 ngày 21/03/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố QNg.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương theo quy định của pháp luật

Trở đồng hồi bản án, quyết định của phiên tòa theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người nào thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án nào đó thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh QNg;
- VKSNDTP QNg;
- Chi cục THADSTP QNg;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Duẩn

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Trương Hồng Thái

Nguyễn Văn Tấn

Nguyễn Văn Duẩn

Nơi nhận:

- TAND tỉnh QNg;
- VKSNDTP QNg;
- Chi cục THADSTP QNg;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Duẩn

Nơi nhận:

- TAND tỉnh QNg;
- VKSNDTP QNg;
- Chi cục THADSTP QNg;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Duẩn

Nơi nhận:
THẨM

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

- TAND tỉnh QNg;
- VKSNDTP QNg;
- Chi cục THADSTP QNg;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn;

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Duẩn